TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh H với chị Ch"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sửu;
Ông Trần Văn Thiện.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà*: ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST- HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng Luật sư Bách Gia T

Địa chỉ: số D, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do ông Lê Văn T1 - Trưởng Văn phòng đại diện. (theo văn bản quỷ quyền lập ngày 28/3/2023, với nội dung ủy quyền nộp hồ sơ khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, nộp tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án).

* *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2023, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn ngày 14/6/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, anh và chị C có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị C về làm dâu tại gia đình anh ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung

trong cuộc sống gia đình, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin ly hôn với chị C.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Đức H1, sinh ngày 12/01/2013 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/9/2016. Hiện hai con đang ở với anh. Ly hôn anh nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho các con chung. Hiện nay anh đang làm kỹ sư tại Công ty H3, huyện V, thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/ tháng. Anh ở cùng bố mẹ đẻ từ khi vợ chồng ly thân đến nay, nếu anh được nuôi con thì bố mẹ anh cùng giúp đỡ trông nom, đưa đón cháu đi học nên anh xác định có đủ điều kiện nuôi con. Trường hợp không được nuôi cả hai con thì anh nhận nuôi con H1, để chị C nuôi con P, hai bên không phải cấp dưỡng cho con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H có đơn xin vắng mặt.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị nhất trí với trình bày của anh H về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải, động viên anh H nhưng anh H không thay đổi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nay chị mong anh H về đoàn tụ để cùng chăm sóc con, nên chị không đồng ý ly hôn với anh H. Trường hợp anh H nhất quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Đức H1, sinh ngày 12/01/2013, Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/9/2016, hiện hai con đang ở với anh H. Ly hôn chị nhận nuôi hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị kinh doanh thuốc tân dược, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ tháng. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: giao cho anh H nuôi con Nguyễn Đức H1, sinh ngày 12/01/2013, giao cho chị C nuôi con Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/9/2016. Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp về con chung, Tòa án huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đức H kết hôn cùng chị Nguyễn Thị C ngày 14/6/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình và tình cảm vợ chồng. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị C. Chị C cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị mong anh H về đoàn tụ nhưng trường hợp anh H nhất quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình anh H, chị C, được biết vợ chồng anh, chị có xảy ra mâu thuẫn và có thời gian ly thân. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H với chị C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H ly hôn với chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị C có 02 con chung là Nguyễn Đức H1, sinh ngày 12/01/2013 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/9/2016, hiện hai con đang ở với anh H. Nay anh H và chị C đều nhận nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày đang làm kỹ sư, thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/ tháng. Còn chị C trình bày có

thu nhập trung bình 12.000.000 - 15.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh với ông Nguyễn Đức C1 là bố của anh H thì ông C1 cho biết kể từ khi vợ chồng anh H, chị C ly thân đến nay thì hai con ở với anh H và vợ chồng ông, các cháu đều được chăm sóc tốt, chị C cũng thường xuyên về thăm và cùng anh H lo các chi phí nuôi hai con. Nay nếu anh H được nuôi con thì vợ chồng ông sẽ giúp anh H trông nom, chăm sóc, dạy dỗ các cháu. Xác minh với bà Bùi Thị H2 là mẹ của chị C thì bà H2 cung cấp, từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì chị C vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc các con, nếu chị C được nuôi con thì bà sẽ cùng chị C trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu. Như vậy, anh H, chị C đều có điều kiện thu nhập để nuôi con và đều được gia đình cùng hỗ trợ trông nom, chăm sóc con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, cháu H1 đã trên 07 tuổi và có nguyên vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con khi ly hôn, cần giao cho anh H nuôi con H1, giao cho chị C nuôi con P là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: do anh H, chị C đều nuôi 01 con, do đó ý kiến về cấp dưỡng nuôi con của chị C không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Đức H1, sinh ngày 12/01/2013; giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/9/2016.

Anh H, chị C không phải cấp dưỡng cho con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh H, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo biên lai thu số 0004810 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Tân Yên.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Tư Duy